

## DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22811904] - Thực tập lạnh cơ bản  
(CCQ2534A)

CBGD: Nguyễn Đức Nhơn (280018)

Số SV có mặt: 21...

Số bài thi: ...21.....

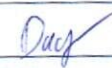
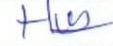
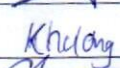
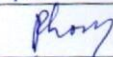
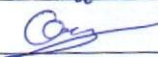
Số tờ giấy thi:.....

  
Nguyễn Đức Nhơn

  
Đ. V. Duy

  
Nguyễn Đức Nhơn

  
Đ. V. Duy

| STT | Mã SV      | Họ và Tên          |        | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV                                                                             | Đ. QT (40%) | Đ. Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|--------------------|--------|------------|----------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------|---------|
| 1   | 2125340005 | Nguyễn Hữu         | Duy    | 22/06/2007 | CCQ2534A |             |    | 8,1         | 7,5          | 7,7     |
| 2   | 2125340015 | Trịnh Thanh        | Hải    | 11/11/2006 | CCQ2534A |             |    | 8,1         | 7,0          | 7,4     |
| 3   | 2121180023 | Lê Đăng            | Huy    | 28/04/2003 | CCQ2118A |             |    | 7,3         | 7,0          | 7,1     |
| 4   | 2125340018 | Phạm Hoàng         | Huy    | 08/09/2007 | CCQ2534A |             |    | 7,9         | 6,5          | 7,1     |
| 5   | 2125340007 | Trương Văn         | Huy    | 31/07/2007 | CCQ2534A |             |    | 8,8         | 7,5          | 8,0     |
| 6   | 2125340013 | Lê Quốc            | Khương | 30/01/2007 | CCQ2534A |             |    | 7,6         | 7,0          | 7,2     |
| 7   | 2125340008 | Hồ Minh            | Long   | 07/05/2006 | CCQ2534A |             |    | 8,2         | 6,5          | 7,2     |
| 8   | 2125340003 | Đặng Cảnh          | Lượng  | 22/12/2007 | CCQ2534A |             |   | 8,3         | 7,0          | 7,5     |
| 9   | 2125340010 | Bùi Văn            | Minh   | 18/04/2007 | CCQ2534A |             |  | 8,2         | 8,0          | 8,1     |
| 10  | 2125340001 | Đặng Hoàng         | Nam    | 22/10/2007 | CCQ2534A |             |  | 8,3         | 9,0          | 8,7     |
| 11  | 2125340019 | Nguyễn Vũ          | Phát   | 10/12/2007 | CCQ2534A |             |  | 8,6         | 9,0          | 8,8     |
| 12  | 2125340004 | Trần Vũ            | Phong  | 25/07/2007 | CCQ2534A |             |  | 7,9         | 6,5          | 7,1     |
| 13  | 2125340022 | Phạm Văn           | Phú    | 07/11/2007 | CCQ2534A |             |  | 7,9         | 7,0          | 7,4     |
| 14  | 2125340002 | Nguyễn Hải         | Quyền  | 04/10/2007 | CCQ2534A |             |  | 7,9         | 7,0          | 7,4     |
| 15  | 2125340017 | Huỳnh Tấn          | Sang   | 23/12/2007 | CCQ2534A |             |  | 7,7         | 8,0          | 7,9     |
| 16  | 2125340014 | Nguyễn Quốc        | Sơn    | 22/02/2007 | CCQ2534A |             |  | 8,3         | 8,0          | 8,1     |
| 17  | 2125340011 | Nguyễn Minh        | Tân    | 12/08/2007 | CCQ2534A |             |  | 8,1         | 7,5          | 7,7     |
| 18  | 2125340016 | Hứa Lâm            | Triều  | 16/09/2007 | CCQ2534A |             |  | 7,8         | 7,0          | 7,3     |
| 19  | 2125340009 | Nguyễn Minh        | Tú     | 08/01/2007 | CCQ2534A |             |  | 7,8         | 7,5          | 7,6     |
| 20  | 2125340006 | Võ Thanh           | Tùng   | 05/01/2007 | CCQ2534A |             |  | 7,9         | 8,5          | 8,3     |
| 21  | 2125340081 | Nguyễn Hoàng Triều | Vỹ     | 07/01/2006 | CCQ2534A |             |  | 8,1         | 7,5          | 7,7     |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22811908] - Thực tập lạnh cơ bản  
(CCQ2534A)

CBGD: Nguyễn Đức Nhơn (280018)

Số SV có mặt: 19...

Số bài thi: ...15....

Số tờ giấy thi:.....

*Nguyễn Đức Nhơn*

*Đỗ Văn Duy*

*Nguyễn Đức Nhơn*

*Đỗ Văn Duy*

| STT          | Mã SV                 | Họ và Tên                 | Ngày sinh             | Mã lớp              | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV    | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|--------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------|-------------|--------------|------------|-------------|---------|
| 1            | 2125340034            | Trần Thế Anh              | 20/05/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Anh</i>   | 7,8        | 8,0         | 7,9     |
| 2            | 2125340024            | Dương Thành Công          | 02/05/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Công</i>  | 8,3        | 9,0         | 8,7     |
| 3            | 2125340027            | Vì Quốc Cường             | 03/11/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Cường</i> | 8,4        | 8,0         | 8,2     |
| 4            | 2125340075            | Võ Phạm Quốc Đại          | 02/02/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Đại</i>   | 7,8        | 8,5         | 8,2     |
| <del>5</del> | <del>2125340073</del> | <del>Mai Thành Danh</del> | <del>19/08/2006</del> | <del>CCQ2534A</del> |             |              |            |             |         |
| 6            | 2125340032            | Huỳnh Xuân Diệu           | 19/05/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Diệu</i>  | 8,1        | 9,0         | 8,6     |
| 7            | 2125340025            | Phan Thanh Hải            | 13/09/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Hải</i>   | 8,1        | 7,0         | 7,4     |
| 8            | 2125340074            | Nguyễn Chi Kiên           | 07/02/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Kiên</i>  | 7,9        | 8,0         | 8,0     |
| 9            | 2125340072            | Nguyễn Hải Long           | 26/02/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Long</i>  | 7,7        | 7,0         | 7,3     |
| 10           | 2125340026            | Nguyễn Xuân Nam           | 21/10/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Nam</i>   | 7,9        | 8,5         | 8,3     |
| 11           | 2125340029            | Võ Trường Phong           | 10/03/2005            | CCQ2534A            |             | <i>Phong</i> | 7,9        | 8,0         | 8,0     |
| 12           | 2125340033            | Hà Ngọc Quang             | 05/10/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Quang</i> | 7,4        | 8,0         | 7,8     |
| 13           | 2125340028            | Phạm Tấn Tài              | 02/10/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Tài</i>   | 8,4        | 7,0         | 7,6     |
| 14           | 2125340035            | Võ Tấn Thành Tài          | 07/08/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Tài</i>   | 7,9        | 9,0         | 8,6     |
| 15           | 2125340071            | Nguyễn Thanh Triều        | 23/05/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Triều</i> | 8,4        | 7,5         | 7,9     |
| 16           | 2125340031            | Nguyễn Nhật Trịnh         | 01/01/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Trịnh</i> | 7,4        | 7,0         | 7,2     |
| 17           | 2125340021            | Phạm Bảo Trọng            | 05/06/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Trọng</i> | 8,2        | 9,0         | 8,7     |
| 18           | 2125340020            | Nguyễn Long Trục          | 19/08/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Trục</i>  | 8,1        | 7,5         | 7,7     |
| 19           | 2125340023            | Lê Đức Tuấn               | 07/05/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Tuấn</i>  | 7,6        | 8,5         | 8,1     |
| 20           | 2125340030            | Đào Nguyễn Đức Vương      | 05/10/2007            | CCQ2534A            |             | <i>Vương</i> | 8,3        | 8,5         | 8,4     |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1      Cán bộ coi thi 2      G.Viên chấm thi-1      G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22811909] - Thực tập lạnh cơ bản      Số SV có mặt: 19...  
(CCQ2534B)      Số bài thi: ....19...  
CBGD: Đỗ Quang Huy (280022), Nguyễn Đức N      Số tờ giấy thi:.....

*(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)*

| STT | Mã SV      | Họ và Tên         |        | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV     | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|-------------------|--------|------------|----------|-------------|---------------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2125340064 | Trần Hoàng        | Chinh  | 27/02/2007 | CCQ2534B |             | <i>Chinh</i>  | 8,1        | 7,5         | 7,7     |
| 2   | 2125340068 | Lê Phát           | Đạt    | 15/06/2007 | CCQ2534B |             | <i>Đạt</i>    | 8,1        | 8,0         | 8,0     |
| 3   | 2125340070 | Nguyễn Văn        | Đạt    | 23/05/2007 | CCQ2534B |             | <i>Đạt</i>    | 7,8        | 8,5         | 7,0     |
| 4   | 2125340084 | Đặng Đạo          | Đức    | 12/09/2007 | CCQ2534A |             | <i>Đức</i>    | 8,1        | 8,5         | 8,3     |
| 5   | 2125340060 | Phan Anh          | Đức    | 28/11/2007 | CCQ2534B |             | <i>Đức</i>    | 8,3        | 9,0         | 8,7     |
| 6   | 2125340077 | Mai Nguyễn Trường | Giang  | 02/07/2007 | CCQ2534B |             | <i>Giang</i>  | 8,4        | 8,0         | 8,2     |
| 7   | 2125340059 | Hoàng Ngọc        | Hải    | 27/06/2007 | CCQ2534B |             | <i>Hải</i>    | 8,3        | 8,0         | 8,1     |
| 8   | 2125340067 | Phan Thành        | Huy    | 28/01/2007 | CCQ2534B |             | <i>Huy</i>    | 7,9        | 8,5         | 8,3     |
| 9   | 2125340062 | Trần Duy          | Mạnh   | 09/09/2007 | CCQ2534B |             | <i>Mạnh</i>   | 7,8        | 8,0         | 7,9     |
| 10  | 2125340076 | Võ Hoài           | Nam    | 01/01/2007 | CCQ2534B |             | <i>Nam</i>    | 0          | 7,0         | 4,2     |
| 11  | 2125340061 | Huỳnh Hữu         | Nghĩa  | 17/05/2006 | CCQ2534B |             | <i>Nghĩa</i>  | 8,4        | 7,5         | 7,9     |
| 12  | 2125340063 | Đào Quốc          | Thắng  | 27/12/2006 | CCQ2534B |             | <i>Thắng</i>  | 8,6        | 9,0         | 8,8     |
| 13  | 2125340056 | Đặng Đỗ           | Thành  | 09/12/2007 | CCQ2534B |             | <i>Thành</i>  | 8,3        | 7,0         | 7,5     |
| 14  | 2125340055 | Nguyễn Chí        | Thiện  | 09/11/2007 | CCQ2534B |             | <i>Thiện</i>  | 7,8        | 7,5         | 7,6     |
| 15  | 2125340065 | Đỗ Quyết          | Tiến   | 22/08/2007 | CCQ2534B |             | <i>Tiến</i>   | 7,7        | 7,5         | 7,6     |
| 16  | 2125340058 | Hồng Quốc         | Toàn   | 20/01/2007 | CCQ2534B |             | <i>Toàn</i>   | 8,3        | 8,0         | 8,1     |
| 17  | 2125340069 | Phan Phi          | Trường | 02/01/2004 | CCQ2534B |             | <i>Trường</i> | 8,1        | 8,0         | 8,0     |
| 18  | 2125340080 | Kiều Quang        | Tú     | 05/07/2005 | CCQ2534B |             | <i>Tú</i>     | 7,8        | 8,5         | 8,2     |
| 19  | 2125340066 | Cao Anh           | Tuấn   | 29/06/2007 | CCQ2534B |             | <i>Tuấn</i>   | 8,1        | 8,0         | 8,0     |
| 20  | 2125340079 | Mai Hoàng         | Vũ     | 07/11/2006 | CCQ2534B |             |               |            |             |         |